

Bản án số: 241/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2021

V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu  
cầu chấm dứt hành vi cản trở trái  
pháp luật và yêu cầu hủy Giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Võ Ngọc Thông

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Lê Văn Thành  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2021/TLPT-DS ngày 27  
tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản  
trở trái pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 15-4-2021 của Tòa án  
nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
493/2021/QĐ-PT ngày 11 - 11 -2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn C, xã N,  
thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Tấn H  
- Văn phòng Luật sư Phan Tấn H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn K và bà Đặng Thị K; địa chỉ: Thôn C, xã N, thị xã N,  
tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc H; địa chỉ: tỉnh  
Khánh Hòa, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần T, bà Trần Thị Đ, ông Phạm Q, bà Trương Thị C, ông Phạm Hữu M, bà Phạm Thị Kim P; cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Bà Trần Thị Đ ủy quyền cho ông Trần T; Ông Phạm Hữu M ủy quyền cho bà Trương Thị C, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Phước M, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu T; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Phước M, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu T cùng ủy quyền cho ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã N; trụ sở: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sơn V – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D, thể hiện:

Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 26, diện tích đất 944 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn C, xã N, thị xã N thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N (nay là thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001. Thửa đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Cảnh, phía Tây giáp đất ông M, phía Nam giáp Quốc lộ 1, phía Bắc giáp đường đi liên thôn. Giữa thửa đất của ông M, bà D và thửa đất của ông Phạm Hữu M có con đường đi. Vừa qua, ông Cảnh đo đạc, kiểm tra lại đất thực tế của hộ ông Cảnh thì ông, bà mới biết con đường đi trên thuộc diện tích Thửa đất 226 đã được cấp giấy chứng nhận cho ông bà, nên ông bà đã rào lưới B40 lại thì gia đình ông K, bà K (nhà ở phía sau) phá hàng rào để tiếp tục sử dụng đường đi. Vì vậy, ông M và bà D khởi kiện yêu cầu ông K, bà K chấm dứt hành vi cản trở ông, bà thực hiện quyền quản lý, sử dụng diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của ông, bà là đường đi này.

Sau khi có bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử vụ án, vợ chồng ông M đã rào bao quanh phần đất đường đi, Tòa án đã tuyên thuộc quyền sử dụng của ông M (sát với hàng rào nhà ông Phạm Hữu M). Chi phí xây hàng rào là 20.775.000 đồng. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà D thì ông bà yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thanh toán lại cho ông, bà giá trị hàng rào này.

2. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K, thể hiện:

Đường đi hiện đang tranh chấp đã có từ trước giải phóng, vì năm 1983 khi khu kinh tế Ninh Quang mở ra di dân lên đây sinh sống đã có con đường này. Năm 1988, gia đình ông K và bà K mua lại nhà của ông Nguyễn Luông thì hộ ông M đã rào lưới B40 và trồng cây dọc theo hàng rào làm ranh giới phần đất của hộ ông M và con đường. Đến năm 2012, ông M tháo lưới B40, chặt hàng rào cây, rào bịt đường đi và chiếm luôn diện tích đường đi nên xảy ra tranh chấp. Sự việc đã được hòa giải ở thôn và UBND xã nhưng không thành. Ông K, bà K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001 của UBND huyện N đã cấp cho hộ ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D, đối với Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 26 vì đã chồng lấn lên diện tích đất đường đi chung.

Ông, bà không đồng ý thanh toán chi phí làm hàng rào cho nguyên đơn. Trong trường hợp Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thanh toán chi phí làm hàng rào cho nguyên đơn, thì bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn chi phí khắc phục, sửa chữa đường ống nước do nguyên đơn làm hàng rào làm bể ống nước. Tổng chi phí là 2.088.000 đồng (chi phí đi dờn đường ống nước 888.000 đồng; chi phí thuê nhân công 1.200.000 đồng).

3. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Trần T, bà Trương Thị C, bà Trần Thị Đ và bà Trần Thị Kim Phần), thể hiện:

Năm 1998, khi các ông, bà đến đây sinh sống thì đã tồn tại đường đi chung mà hiện nay đang tranh chấp. Năm 2012, ông M tự ý rào lưới B40 chiếm cả đường đi chung với lý do diện tích đất của ông theo GCNQSDĐ được cấp bao gồm cả đường đi. Vì vậy, các ông, bà đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001 của UBND huyện N đã cấp cho hộ ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D, đối với Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 26 vì đã chồng lấn lên diện tích đất là đường đi chung và buộc ông M, bà D trả lại đường đi chung.

4. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà (Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Phước M, ông Nguyễn Thanh S), thể hiện:

Các ông, bà đồng ý với ý kiến của cha mẹ ông, bà là ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D và yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

5. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã N, thể hiện:

Bản đồ gốc năm 1995 đã thể hiện có con đường này, đến khi chỉnh lý năm 2001 thì không còn con đường này. UBND thị xã N đề nghị ông Nguyễn M và bà Nguyễn

Thị D để con đường cho bà con phía sau sử dụng. UBND thị xã N yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vụ án đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm như sau:

Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D về tranh chấp 97m<sup>2</sup> đất con đường đi và yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K trả lại don đường đi, không được sử dụng con đường. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 01382/QSDD/NT-NH cấp ngày 29/03/2001 của Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) đối với 71m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26 cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D. UBND thị xã N có trách nhiệm chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DS-PT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D; sửa nội dung bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K chấm dứt hành vi cản trở việc nguyên đơn thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất đối thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp 01382/QSDD/NT-NH cấp ngày 29/03/2001 của Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D. Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Trần T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm số 09/2019/DS-GĐT ngày 22/01/2019 của UBTP Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DS-PT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 629/2019/TB-TA ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tối cao với nội dung “... Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết sơ thẩm lại là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 09/2019/DS-GĐT ngày 22/01/2019 nêu trên”.

Sau khi thụ lý vụ án, tại Bản án dân sự sơ thẩm 08/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật

Đất đai năm 2013; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D về việc buộc bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người chủ sử dụng đất **đối với** thửa đất số 226, tờ bản đồ 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01382/QSDD/NT-NH ngày 29/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01382/QSDD/NT-NH ngày 29/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D **đối với** 71m<sup>2</sup> đất chồng lấn đường đi thuộc Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N); cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D nêu trên **đối với** thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N) theo hướng trừ đi diện tích 71m<sup>2</sup> đất là đường đi chung, không công nhận diện tích 71m<sup>2</sup> đất đường đi chung (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án) cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D.

- Ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào lưới B40 cao 1,5m và 1,2m, trụ gỗ xen kẽ, móng xây đá chẻ cao 0,2m và 0,4m do ông, bà đã xây trên đường đi chung theo Bản vẽ hiện trạng kèm theo bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2021, ông Nguyễn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận Đơn kháng cáo, Đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày, ông Nguyễn M bổ sung: Giữ nguyên Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo. Năm 1996 nguyên đơn được cấp GCNQSDD tạm thời **đối với** thửa đất số 226. Năm 2001, được cấp GCNQSDD với 944m<sup>2</sup>. Sau đó ông có cơi nới thêm diện tích trong tổng diện tích của ông. Bị đơn ngăn cản là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, vì: Con đường đi có trước năm 1975, người dân sinh sống đã sử dụng con đường đi này. Vụ án đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và Thông báo không có căn cứ giám đốc thẩm với nhận định “Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng”. Do đó, đề

ngợi Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn M là trong thời hạn luật định.

- Về nội dung vụ án: Diện tích tranh chấp 71m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 944m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01382/QSĐĐ/NT-NH ngày 29/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D. Theo hồ sơ đăng ký kê khai làm thủ tục cấp GCNQSĐĐ thì ông M kê khai thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, diện tích 830m<sup>2</sup> nhưng viết nhầm là 944m<sup>2</sup>. Kết quả đo đạc thực tế để giao đất tại “Giấy giao nhận diện tích đo đạc” thể hiện thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, diện tích giao cho ông M là 830m<sup>2</sup>. Như vậy, có căn cứ xác định con đường đi đang có tranh chấp diện tích 71m<sup>2</sup> được các hộ dân sử dụng từ năm 1979. Diện tích này cấp nhầm vào tổng diện tích 944m<sup>2</sup> của ông M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên.*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/4/2021, ông Nguyễn M kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm 08/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn M là trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Vụ án tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D với bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K đã được thụ lý giải quyết từ năm 2017 và đã qua cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm. Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm 08/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D.

[2.2] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, thể hiện:

Ngày 30/7/1996, ông Nguyễn M làm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND huyện N, với nội dung xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, diện tích  $200\text{m}^2$  loại đất T +  $180\text{m}^2$  loại đất LK +  $450\text{m}^2$  loại đất vườn =  $830\text{m}^2$ , nhưng cộng nhầm nên ghi thành  $944\text{m}^2$  (bút lục số 30). Ngày 29/3/2001, UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01382QSDĐ/NT-NH cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng  $29.006\text{m}^2$  đất, trong đó có thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, diện tích  $944\text{m}^2$  (bút lục số 15). Tuy nhiên, đối chiếu với Giấy giao nhận diện tích đo đạc giữa chủ sử dụng đất là ông Nguyễn M với cán bộ đo đạc thì ông Nguyễn M ký nhận diện tích thửa 226, tờ bản đồ số 26 là  $820\text{m}^2$  (bút lục số 28). Như vậy, có căn cứ xác định UBND huyện N có sai sót trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn M về diện tích đất chồng lấn. Đồng thời, phù hợp với nội dung Thông báo số 102/TB-UBND ngày 28/5/2015 của UBND thị xã N về kết luận của UBND thị xã tại buổi tiếp công dân Trương Út, có nội dung: “... Trường hợp nếu con đường đi có trước nhưng quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn M có sai sót, đề nghị UBND xã N đề xuất UBND thị xã điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại con đường cho dân đi theo hiện trạng” (bút lục số 38).

Theo kết quả đo đạc ngày 19/7/2017 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N thực hiện thì con đường đi hiện đang tranh chấp có diện tích  $97\text{m}^2$ , trong đó diện tích  $91\text{m}^2$  nằm trong diện tích  $944\text{m}^2$  đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn M ngày 29/3/2001 (bút lục số 103). Kết quả đo đạc này phù hợp với lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D thừa nhận là ông bà sử dụng đất ổn định từ trước đến nay, giáp đất của ông bà là con đường đi tồn tại từ trước đó; nhưng năm 2012, sau khi đo đạc lại đất thì mới biết diện tích đường đi nằm trong diện tích  $944\text{m}^2$  đất mà ông bà đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2001, nên tự rào con đường lại. Đồng thời, cũng phù hợp với lời trình bày của những hộ dân sống liền kề đất vợ chồng ông Nguyễn M (trong đó có bị đơn), thể hiện: Đường đi tranh chấp tồn tại từ trước giải phóng, năm 1983 khi Khu kinh tế Ninh Quang mở ra di dân lên đây sinh sống (trong đó có gia đình ông M) đã thấy tồn tại đường đi chung này. Hơn nữa, tại công văn số 91/UBND ngày 28/11/2016 của UBND xã N thể hiện nội dung: “... Về nguồn gốc và thời điểm: Con đường giữa hai lô đất ông Phạm Hữu M và nhà ông Nguyễn M được hình thành từ năm 1979, tức là thời điểm Hợp tác xã nông nghiệp được thành lập, Hợp tác xã nông nghiệp dùng làm đường để người dân đi ra đồng làm ruộng...” (bút lục số 84).

[2.3] Ngoài ra, tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 629/2019/TB-TA ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tối cao với nội dung “... Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn

cứ. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết sơ thẩm lại là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 09/2019/DS-GĐT ngày 22/01/2019 nêu trên”.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung được phân tích tại các mục [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của ông Nguyễn M là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng của ông Nguyễn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D về việc buộc bị đơn ông Lê Văn K, bà Đặng Thị K chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người chủ sử dụng đất **đối với** thửa đất số 226, tờ bản đồ 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01382/QSDD/NT-NH ngày 29/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D.

2.2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01382/QSDD/NT-NH ngày 29/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D **đối với** 71m<sup>2</sup> đất chông lấn đường đi thuộc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N); cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D nêu trên **đối với** thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26, bản đồ xã N, huyện N (nay là thị xã N) theo hướng trừ đi diện tích 71m<sup>2</sup> đất là đường đi chung, không công nhận diện tích 71m<sup>2</sup> đất đường đi chung (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án) cho hộ ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D.

2.3. Ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào lưới B40 cao 1,5m và 1,2m, trụ gỗ xen kẽ, móng xây đá chẻ cao 0,2m và 0,4m do ông, bà đã xây trên đường đi chung theo bản vẽ hiện trạng kèm theo bản án.



3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn M phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ ông Nguyễn M đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009723 ngày 29/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Long    Võ Ngọc Thông**

**Trần Quốc Cường**